TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1085/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 13-10-2020.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Ngọc

2. Bà Nguyễn Phước Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: Không tham gia phiên toà.

Trong ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Củ Chi – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1535/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 305/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 09 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Q, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 544C Tỉnh lộ A, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1976; Địa chỉ: 544C Tỉnh lộ A, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn chị Vũ Thị Q trình bày chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung từ năm 1998, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01 ngày 20 tháng 01 năm 1998.

Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc. Nhưng càng về sau thì càng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên gây chuyện, hành hạ chị và gây áp lực cho chị. Chị đã cố gắng để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Chị và anh T không còn sống chung, nên chị xác định quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T không thể tiếp tục sống chung được, nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị xác định trong quá trình sống chung, chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Quang L, sinh ngày: 07/02/1999 và Nguyễn Đức P, sinh ngày: 22/04/2008. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ Đức P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Chị xác định không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn ngày 09 tháng 12 năm 2019, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại: Số nhà 544C, đường Tỉnh lộ A, tổ 10, ấp B, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 01 ngày 20 tháng 01 năm 1998, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cãi vã, anh T thường xuyên đánh đập chị làm cho gia đình mất hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị đã cố gắng để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định và được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy không có cơ sở hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Văn T là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, giấy khai sinh (bản sao) số 18 Quyển số 01/1999 ngày 11/02/1999 của Ủy ban nhan dân xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương và giấy khai sinh (bản sao) số 98 Quyển số 01/2008 ngày 19/05/2008 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử xác định chị Q và anh T có 02 con chung tên: Nguyễn Quang L, sinh ngày: 07/02/1999 và Nguyễn Đức P, sinh ngày: 22/04/2008. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, chị Q yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ Đức P. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định đối với yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn, đồng thời tại bản tự khai ngày 11/02/2020 của trẻ Đức P thể hiện trẻ hiện đang sống chung với chị Q và có nguyện vọng tiếp tục sống chung với chị Q. Đối với trẻ Quang L, tại thời điểm xét xử đã 21 tuổi, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Đức P cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Xét về chia tài sản, nguyên đơn xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nghĩa vụ dân sự chung, nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, về chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Vũ Thị Q.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Q và anh Nguyễn Văn T.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị Q và ông Nguyễn Văn T được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 01 ngày 20 tháng 01 năm 1998 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp.)

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức P, sinh ngày: 22/04/2008 cho chị Vũ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc chị Vũ Thị Q phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0083193 ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; chị Q đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơ